

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3060/QĐ-CTUBND

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế sáng kiến của tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ Ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ, hướng dẫn thi hành một số Quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 954/TTr-SKHCN ngày 16/10/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, Quy chế sáng kiến của tỉnh Khánh Hòa (đính kèm Quy chế).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 11/7/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, NN, QP



Đào Công Thiên

QUY CHẾ SÁNG KIẾN CỦA TỈNH KHÁNH HÒA
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2060/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

- Công tác xét công nhận sáng kiến, việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến, quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu; trách nhiệm triển khai các biện pháp quản lý và hỗ trợ hoạt động sáng kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

- Đánh giá tầm ảnh hưởng của sáng kiến đã được công nhận để chọn ra những sáng kiến có tác dụng ảnh hưởng tích cực trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Sáng kiến* là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp), được cơ sở công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó;

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực;

c) Không thuộc đối tượng bị loại trừ sau:

- Giải pháp mà việc công bố, áp dụng giải pháp trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội;

- Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

2. *Cơ sở* là cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật, có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập.

3. *Chuyển giao sáng kiến* là việc truyền đạt toàn bộ kiến thức, thông tin về sáng kiến để người được chuyển giao có thể áp dụng sáng kiến.

4. *Áp dụng sáng kiến lần đầu* là việc áp dụng sáng kiến lần đầu tiên, kể cả áp dụng thử.

5. *Tác giả sáng kiến* là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình.

6. *Đồng tác giả sáng kiến* là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến.

7. *Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến* là cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến.

Điều 3. Đối tượng được công nhận là sáng kiến

Đối tượng được công nhận là sáng kiến gồm giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 2 của quy chế này.

Giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật được hiểu như khoản 1,2,3,4 Điều 3 Thông tư 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 4. Tính mới và khả năng mang lại lợi ích thiết thực của sáng kiến

Một giải pháp được coi là có tính mới trong phạm vi một cơ sở nếu tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hoặc ngày bắt đầu áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu (tính theo ngày nào sớm hơn), trong phạm vi cơ sở đó, giải pháp đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại điểm a,b,c,d khoản 1 và khoản 2 Điều 4 của Điều lệ sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ.

Điều 5. Cơ sở có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến

1. Là tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập hợp pháp, có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

2. Các đơn vị không có tư cách pháp nhân, nhưng có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập (ví dụ: hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân, văn phòng luật sư...).

3. Các đơn vị có con dấu và tài khoản riêng, hạch toán kinh tế phụ thuộc pháp nhân cấp trên (ví dụ: các chi nhánh của doanh nghiệp, các trung tâm trực thuộc tập đoàn, tổng công ty của Nhà nước...), và được pháp nhân cấp trên ủy quyền, ủy nhiệm thực hiện việc công nhận sáng kiến ở đơn vị bằng văn bản hoặc quy định nội bộ (ví

dụ: quy định trong quy chế về hoạt động sáng kiến ở cơ sở).

Chương II

CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 6. Yêu cầu công nhận sáng kiến, xét công nhận sáng kiến

1. Tác giả sáng kiến có thể yêu cầu công nhận sáng kiến tại các cơ sở sau đây:

a) Tại cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến;

b) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, với điều kiện chủ đầu tư tạo ra sáng kiến từ chối công nhận sáng kiến và không có thỏa thuận khác với tác giả sáng kiến;

c) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

2. Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Điều lệ sáng kiến kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu.

3. Cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hỗ trợ tác giả sáng kiến hoàn thiện đơn.

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở có trách nhiệm xem xét nội dung đơn được quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy chế này và

a) Thông báo cho tác giả sáng kiến về thiếu sót của đơn để tác giả sửa chữa bổ sung, gửi lại; thời hạn sửa chữa bổ sung đơn thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 6 của Điều lệ sáng kiến.

b) Thông báo cho tác giả sáng kiến về việc chấp nhận đơn, ghi nhận các thông tin liên quan của đơn và lưu giữ hồ sơ đơn phù hợp với quy định;

c) Thông báo cho tác giả rõ lý do nếu từ chối chấp nhận đơn.

Cơ sở tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ đơn và các tài liệu kèm theo (nếu có); giữ bí mật thông tin cần được bảo mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến.

4. Thời hạn xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày chấp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến. Cơ sở xét công nhận sáng kiến đánh giá đối tượng nêu trong đơn theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của quy chế này và thực hiện các công việc sau đây:

a) Công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến cho tác giả sáng kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Từ chối công nhận sáng kiến trong trường hợp đối tượng nêu trong đơn không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Quy chế này và thông báo bằng văn bản cho tác giả sáng kiến, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

Trước khi quyết định công nhận sáng kiến, cơ sở xét công nhận sáng kiến tự quyết định việc công bố công khai giải pháp (trừ các thông tin cần giữ bí mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến), tự quyết định việc tra cứu thông tin về tình trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật để đánh giá sáng kiến theo điều kiện quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 3 của Điều lệ Sáng kiến.

5. Cơ sở xét công nhận sáng kiến cấp Giấy chứng nhận sáng kiến cho chủ đơn có sáng kiến được công nhận và tự quyết định việc công bố công khai giải pháp đã được công nhận là sáng kiến để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng sáng kiến có thể tiếp cận được các thông tin liên quan đến sáng kiến.

Điều 7. Tài liệu để yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến làm theo mẫu quy định tại **Phụ lục I** –Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Nội dung đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

a) Tên cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến;

b) Tác giả sáng kiến hoặc các đồng tác giả sáng kiến (nếu có) và tỷ lệ đóng góp của từng đồng tác giả;

c) Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Trường hợp tác giả sáng kiến không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến thì trong đơn cần nêu rõ chủ đầu tư tạo ra sáng kiến là cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào. Nếu sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật thì trong đơn cần ghi rõ thông tin này;

d) Tên sáng kiến; lĩnh vực áp dụng; mô tả bản chất của sáng kiến; các thông tin cần được bảo mật (nếu có):

- Tên sáng kiến: Phải thể hiện bản chất của giải pháp trong đơn;

- Lĩnh vực áp dụng: Nêu rõ lĩnh vực có thể áp dụng sáng kiến và vấn đề mà sáng kiến giải quyết;

- Mô tả sáng kiến:

+ Về nội dung của sáng kiến: Mô tả ngắn gọn, đầy đủ và rõ ràng các bước thực hiện giải pháp cũng như các điều kiện cần thiết để áp dụng giải pháp; nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó tại cơ sở thì cần nêu rõ tình trạng của giải pháp đã biết, những nội dung đã cải tiến, sáng tạo để khắc phục những nhược điểm của giải pháp đã biết. Bản mô tả nội dung sáng kiến có thể minh họa bằng các bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, ảnh chụp mẫu sản phẩm... nếu cần thiết;

+ Về khả năng áp dụng của sáng kiến: Nêu rõ về việc giải pháp đã được áp dụng, kể cả áp dụng thử trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật tại cơ sở và mang lại lợi ích thiết thực; ngoài ra có thể nêu rõ giải pháp còn có khả năng áp dụng cho những đối tượng, cơ quan, tổ chức nào;

- Các thông tin cần được bảo mật (nếu có);

đ) Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến;

e) Những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có);

g) Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng giải pháp trong đơn theo ý kiến của tác giả và theo ý kiến của tổ chức, cá nhân tham gia áp dụng giải pháp lần đầu, kể cả áp dụng thử tại cơ sở theo các nội dung sau:

- So sánh lợi ích kinh tế, xã hội thu được khi áp dụng giải pháp trong đơn so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết ở cơ sở (cần nêu rõ giải pháp đem lại hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội cao hơn như thế nào hoặc khắc phục được đến mức độ nào những nhược điểm của giải pháp đã biết trước đó - nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó);

- Số tiền làm lợi (nếu có thể tính được) và nêu cách tính cụ thể.

3. Tác giả sáng kiến chịu trách nhiệm về tính trung thực của thông tin nêu trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

Điều 8. Hội đồng xét công nhận sáng kiến

1. Việc xét công nhận sáng kiến do người đứng đầu cơ sở xét sáng kiến quyết định. Người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến có thể thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến.

Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì sáng kiến đó phải được đánh giá thông qua Hội đồng sáng kiến.

2. Hội đồng sáng kiến bao gồm những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

a) Thành phần Hội đồng gồm có chủ tịch hội đồng, các thành viên hội đồng và thư ký hội đồng. Tác giả và đồng tác giả sáng kiến sẽ không được tham gia Hội đồng. Trường hợp người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến, thì người đứng đầu cơ sở đó cũng sẽ không được tham gia Hội đồng;

b) Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá, nhận xét một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến. Các thành viên chịu trách nhiệm với ý kiến đánh giá, nhận xét của mình. (Phiếu đánh giá, nhận xét được hướng dẫn tại Phụ lục 1 của quy chế này);

c) Sáng kiến được công nhận với ít nhất 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên tham dự họp Hội đồng nhưng phải bằng hoặc lớn hơn 1/2 số thành viên theo danh sách Hội đồng;

d) Ý kiến đánh giá, nhận xét của các thành viên Hội đồng phải được phản ánh đầy đủ trong biên bản họp hội đồng;

e) Căn cứ kết quả làm việc của hội đồng người đứng đầu cơ sở cấp giấy chứng nhận sáng kiến cho chủ sáng kiến.

Điều 9. Xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến do Nhà nước đầu tư

Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo quy định sau đây:

1. Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận.

2. Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, trong hai cơ quan, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa nơi cơ sở xét công nhận sáng kiến đóng trụ sở và cơ quan, tổ chức của Nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến, cơ quan nào nhận được hồ sơ (hoặc nhận được hồ sơ sớm hơn) của cơ sở xét công nhận sáng kiến thì sẽ chủ trì xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến và có thể yêu cầu cơ quan còn lại phối hợp thực hiện.

Điều 10. Quy trình xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến

1. Xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này căn cứ vào Tài liệu của cơ sở xét công nhận sáng kiến gồm:

- a) Văn bản đề nghị chấp thuận việc công nhận sáng kiến;
- b) Bản sao đơn yêu cầu công nhận sáng kiến;
- c) Báo cáo đánh giá của cơ sở xét công nhận sáng kiến về việc đối tượng nêu trong đơn đáp ứng đủ các điều kiện để được công nhận là sáng kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 2, Điều 3 và Điều 4 của Quy chế này;
- d) Biên bản kết luận của Hội đồng sáng kiến.

2. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Tài liệu yêu cầu xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến, cơ quan xét chấp thuận sáng kiến có trách nhiệm xem xét và đánh giá việc công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 2, Điều 3 và Điều 4 của Quy chế này để quyết định về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc công nhận sáng kiến, trường hợp không chấp thuận cần nêu rõ lý do.

3. Định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu, cơ quan, tổ chức nhà nước trực tiếp đầu tư tạo ra sáng kiến có trách nhiệm báo cáo và cung cấp thông tin liên quan đến các sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa (theo mẫu Phụ lục IV-Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và công nghệ).

Điều 11. Giấy chứng nhận sáng kiến

1. Giấy chứng nhận sáng kiến làm theo mẫu Phụ lục III-Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và công nghệ.

2. Giấy chứng nhận sáng kiến được cấp cho tác giả/các đồng tác giả sáng kiến, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (nếu tác giả sáng kiến không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến). Giấy chứng nhận sáng kiến có giá trị làm bằng chứng về việc sáng kiến được một cơ sở công nhận theo Điều lệ Sáng kiến.

3. Giấy chứng nhận sáng kiến là cơ sở để các tổ chức, đơn vị, địa phương áp dụng sáng kiến xem xét trả thù lao cho tác giả sáng kiến theo quy định của pháp luật.

4. Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến và thông báo cho tác giả, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này;

b) Đối tượng được công nhận là sáng kiến không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 2, Điều 3 và Điều 4 của quy chế này hoặc việc áp dụng, chuyển giao đối tượng đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ TẠO RA SÁNG KIẾN, TÁC GIẢ SÁNG KIẾN, ÁP DỤNG CHUYỂN GIAO SÁNG KIẾN

Điều 12. Quyền của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến

1. Đối với sáng kiến đã được công nhận, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Áp dụng sáng kiến;

b) Chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định của pháp luật.

2. Đối với sáng kiến đã được công nhận, tác giả sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Được ghi nhận là tác giả sáng kiến trong Giấy chứng nhận sáng kiến và được nêu danh tác giả sáng kiến khi sáng kiến được phổ biến, giới thiệu;

b) Hưởng các chế độ khuyến khích khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về khoa học và công nghệ;

c) Nhận thù lao theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

d) Áp dụng và chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp sáng kiến là đối tượng thuộc quyền sở hữu trí tuệ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và trường hợp giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có thỏa thuận khác;

đ) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

3. Việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không được xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ, các quyền và lợi

ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được trái với quy định của pháp luật.

Điều 13. Áp dụng, chuyển giao sáng kiến

1. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến có quyền áp dụng sáng kiến và chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định tại khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 12 của quy định này.

2. Tổ chức, cá nhân áp dụng sáng kiến phải chịu trách nhiệm pháp lý nếu việc áp dụng sáng kiến đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác.

Trường hợp chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến cho người khác áp dụng và việc áp dụng sáng kiến đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác, thì chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến (bên chuyển giao) chỉ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên nhận chuyển giao do việc áp dụng sáng kiến đó gây ra, nếu giữa các bên có thỏa thuận như vậy trong hợp đồng chuyển giao sáng kiến.

3. Tác giả sáng kiến không có quyền áp dụng hoặc chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác nếu có thỏa thuận như vậy giữa chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và tác giả sáng kiến, thể hiện trong các văn bản sau đây:

a) Hợp đồng (ví dụ: thỏa thuận riêng bằng văn bản về quyền áp dụng và chuyển giao sáng kiến, hợp đồng đầu tư để tạo ra sáng kiến, hợp đồng thuê việc, hợp đồng lao động, hợp đồng tuyển dụng...);

b) Các quy định của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến mà tác giả là người lao động làm việc trong cơ quan, tổ chức phải tuân thủ (ví dụ: quy định về quyền và nghĩa vụ của người lao động, quy chế về hoạt động sáng kiến...).

Trường hợp có sự khác nhau trong quy định giữa các văn bản nêu tại điểm a và điểm b của khoản này thì áp dụng quy định theo thỏa thuận giữa các bên nêu tại điểm a khoản này.

4. Việc chuyển giao sáng kiến được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên, theo quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự, hợp đồng chuyển giao công nghệ, tùy thuộc vào nội dung thỏa thuận và sáng kiến được chuyển giao.

Điều 14. Thỏa thuận về việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Trước khi kết thúc 4 năm kể từ ngày sáng kiến được công nhận, nếu chủ đầu tư tạo ra sáng kiến áp dụng sáng kiến hoặc chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng thì có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu. Việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến, cho người tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện theo thỏa thuận giữa chủ đầu tư tạo ra sáng kiến với tác giả sáng kiến, giữa chủ đầu tư tạo ra sáng kiến với người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu về việc có hay không trả thù lao,

cách thức trả thù lao, mức thù lao, thời gian, thời hạn trả thù lao được thể hiện sau đây:

a) Thỏa thuận riêng bằng văn bản về việc trả thù lao, thỏa thuận trong hợp đồng đầu tư để tạo ra sáng kiến, hợp đồng thuê việc, hợp đồng lao động, hợp đồng tuyển dụng...;

b) Các quy định của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến mà tác giả và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu là người lao động làm việc trong cơ quan, tổ chức phải tuân thủ (ví dụ: quy định về quyền và nghĩa vụ của người lao động, quy chế về hoạt động sáng kiến...).

Trường hợp có sự khác nhau trong quy định giữa các văn bản nêu tại điểm a và điểm b của khoản này thì áp dụng quy định theo thỏa thuận giữa các bên nêu tại điểm a khoản này.

2. Trường hợp giữa các bên không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được về việc trả thù lao thì áp dụng quy định tại Điều 10 của Điều lệ Sáng kiến.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ TẦM ẢNH HƯỞNG CỦA SÁNG KIẾN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

Điều 15. Điều kiện đề nghị đánh giá tầm ảnh hưởng của sáng kiến đã được công nhận

Tổ chức, cá nhân đề nghị đánh giá tầm ảnh hưởng của sáng kiến đã được công nhận phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Sáng kiến đã được cấp Giấy chứng nhận và đã được chuyển giao, áp dụng ở nhiều đơn vị trong toàn ngành/nhiều địa phương trong tỉnh.

2. Sáng kiến đã được áp dụng trên 01 năm, tính từ ngày sáng kiến được cấp Giấy chứng nhận;

3. Nộp đầy đủ Tài liệu theo quy định tại điều 16 của quy chế này.

Điều 16. Tài liệu đề nghị đánh giá tầm ảnh hưởng của sáng kiến đã được công nhận

Tài liệu đề nghị đánh giá tầm ảnh hưởng của sáng kiến đã được công nhận gồm:

1. Văn bản đề nghị đánh giá tầm ảnh hưởng của sáng kiến đã được công nhận: 01 bản chính;

2. Bản sao Giấy chứng nhận sáng kiến: 01 bản;

3. Bản sao đơn đề nghị công nhận sáng kiến quy định tại điều 7 của quy chế này: 01 bản;

4. Bản sao Quyết định chấp thuận sáng kiến của cấp có thẩm quyền chấp thuận việc công nhận sáng kiến (đối với sáng kiến thuộc trường hợp quy định tại điều 9 của quy chế này): 01 bản;

5. Báo cáo kết quả áp dụng của sáng kiến đã được công nhận. Báo cáo phải có chữ ký của tác giả sáng kiến và xác nhận của thủ trưởng cơ sở công nhận sáng kiến. Trường hợp sáng kiến này được chuyển giao cho nhiều đơn vị khác ứng dụng thì phải có xác nhận của thủ trưởng các đơn vị đó: 01 bản chính. *Mẫu báo cáo được hướng dẫn tại Phụ lục 2 của Quy chế này.*

Điều 17. Thời gian nộp tài liệu đề nghị đánh giá

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị đánh giá tầm ảnh hưởng của sáng kiến đã được công nhận, có trách nhiệm hoàn chỉnh Tài liệu theo quy định tại Điều 15, Điều 16 của Quy chế này gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện nhận tài liệu định kỳ vào tháng 02 và tháng 8 hàng năm, trong giờ hành chính.

Điều 18. Hội đồng đánh giá tầm ảnh hưởng của sáng kiến đã được công nhận

1. Thành phần hội đồng

Hội đồng đánh giá tầm ảnh hưởng của sáng kiến đã được công nhận (sau đây gọi tắt là Hội đồng) có từ 11-13 người do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập.

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND tỉnh.

- Phó chủ tịch Hội đồng gồm: Giám đốc Sở KH&CN (Phó chủ tịch thường trực), Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh và các thành viên khác theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Các thành viên hội đồng gồm: Chánh văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Thi đua-Khen thưởng tỉnh, Bí thư Tỉnh Đoàn, giám đốc các sở, ngành và các chuyên gia, nhà khoa học theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tổ Thư ký Hội đồng là cán bộ chuyên môn của Sở KH&CN.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng

- Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho Chủ tịch UBND tỉnh trong việc đánh giá các sáng kiến đã được cấp Giấy chứng nhận sáng kiến, chọn ra các sáng kiến có tác dụng ảnh hưởng tích cực trong phạm vi cả tỉnh.

- Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá một cách khách quan, các thành viên chịu trách nhiệm với ý kiến đánh giá của mình;

- Quyết định của Hội đồng được thông qua theo nguyên tắc bỏ phiếu/biểu quyết. Kết quả bỏ phiếu/biểu quyết của Hội đồng và ý kiến đánh giá của các thành viên phải được phản ánh đầy đủ trong biên bản họp Hội đồng.

- Hội đồng họp vào tháng 5 và tháng 10 hàng năm.

3. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng

- Tham dự họp đông đủ, đúng giờ.

- Làm việc độc lập khách quan.

- Xem xét, nghiên cứu trước tài liệu, cho ý kiến đánh giá, thẩm định và đóng góp ý kiến về những vấn đề đưa ra thảo luận tại phiên họp hội đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng.

Điều 19. Quy trình đánh giá tầm ảnh hưởng của sáng kiến đã được công nhận

1. Cơ quan thường trực Hội đồng: Giao Sở Khoa học và Công nghệ làm cơ quan thường trực hội đồng. Cơ quan thường trực hội đồng có trách nhiệm thành lập tổ thư ký giúp việc hội đồng, tổ thư ký gồm có tổ trưởng và các thành viên.

2. Tổ thư ký Hội đồng có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý Tài liệu đề nghị đánh giá tầm ảnh hưởng của sáng kiến đã được công nhận trên địa bàn tỉnh, phân loại Tài liệu theo ngành, lĩnh vực; tham mưu Cơ quan thường trực Hội đồng thành lập các tổ chuyên gia theo ngành, lĩnh vực xét sơ loại Tài liệu đề nghị đánh giá; lập báo cáo tổng hợp, báo cáo kết quả xét sơ loại trình Hội đồng; tham mưu thành lập Hội đồng; chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho họp hội đồng; hoàn thiện biên bản họp hội đồng và trình Chủ tịch hội đồng xem xét quyết định.

3. Các Tổ chuyên gia do Cơ quan thường trực hội đồng thành lập. Các Tổ chuyên gia có trách nhiệm giúp cơ quan thường trực hội đồng xem xét, thẩm định Tài liệu đề nghị đánh giá tầm ảnh hưởng của sáng kiến đã được công nhận trên địa bàn tỉnh; sơ loại những Tài liệu không đảm bảo theo quy định tại điều 15, điều 16 của Quy chế này (cả về hình thức, thành phần, nội dung thể hiện trong Tài liệu; phạm vi, tác dụng ảnh hưởng của sáng kiến thể hiện trong Tài liệu) và đề xuất danh sách sáng kiến đạt yêu cầu trình Hội đồng xem xét.

4. Họp Hội đồng:

a) Điều kiện để Hội đồng họp: Số thành viên hội đồng có mặt dự họp phải bảo đảm trên 2/3 tổng số thành viên hội đồng.

b) Trình tự làm việc của Hội đồng:

- Thường trực Hội đồng báo cáo tóm tắt hồ sơ sáng kiến của các cá nhân và báo cáo kết quả xét sơ loại trước Hội đồng.

- Các thành viên hội đồng đánh giá sáng kiến đã được công nhận để chọn ra các sáng kiến có tác dụng ảnh hưởng tích cực trong phạm vi cả tỉnh.

- Chủ tịch Hội đồng tóm tắt, kết luận đánh giá chung của các thành viên hội đồng.

- Quyết định của Hội đồng được thông qua theo nguyên tắc biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín với ít nhất 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng và số ý kiến đồng ý phải bằng hoặc lớn hơn 1/2 số thành viên theo danh sách Hội đồng.

- Tổ thư ký kiểm phiếu, lập và thông qua biên bản kiểm phiếu, lập biên bản họp hội đồng, trình chủ tịch hội đồng xem xét quyết định.

Chương V

CÁC BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 20. Phổ biến sáng kiến

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình:

1. Tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm...) hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng;

2. Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

3. Cơ sở công nhận sáng kiến có trách nhiệm gửi 01 bản sao Giấy chứng nhận sáng kiến kèm theo bản sao đơn đề nghị công nhận sáng kiến quy định tại điều 7 của quy chế này về Sở Khoa học và Công nghệ để xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác tính toán tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị của tỉnh chậm nhất sau 30 ngày kể từ khi có quyết định cấp Giấy chứng nhận sáng kiến.

Điều 21. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến

a) Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

b) Các Sở, ngành, địa phương tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến trong phạm vi ngành, địa phương.

2. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo, như:

a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến,

b) Phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.

3. Các cơ sở công nhận sáng kiến có thể áp dụng các biện pháp nhằm khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến, như:

a) Ưu tiên xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và các chế độ phúc lợi khác cho tác giả sáng kiến;

b) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Chi phí cho hoạt động sáng kiến

Chi phí cho hoạt động sáng kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1,2 Điều 16 Điều lệ sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ.

Giao Sở Tài chính hướng dẫn việc sử dụng kinh phí cho các hoạt động nêu tại khoản 1,2 Điều 21 của Quy chế này.

Điều 23. Trách nhiệm triển khai các biện pháp quản lý và hỗ trợ hoạt động sáng kiến

Giao Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm triển khai các biện pháp sau đây nhằm thúc đẩy hoạt động sáng kiến của tỉnh .

- Trường hợp sáng kiến là giải pháp có khả năng được bảo hộ là một sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh có trách nhiệm phối hợp với tác giả sáng kiến tiến hành các thủ tục cần thiết để xác lập quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

- Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sáng kiến;

- Chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, Ban, ngành của tỉnh tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến của tỉnh; đề xuất UBND tỉnh xem xét ban hành các biện pháp để phổ biến, phát triển áp dụng rộng rãi trên phạm vi toàn tỉnh đối với các sáng kiến được đánh giá có tầm ảnh hưởng tích cực trong tỉnh.

- Tư vấn, hỗ trợ hướng dẫn khai thác thông tin, hướng dẫn cách làm đơn yêu cầu công nhận sáng kiến trên cơ sở đề nghị của tác giả sáng kiến;

- Hướng dẫn tác giả tiến hành thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các giải pháp có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;

- Xem xét, quyết định chấp thuận đối với việc công nhận sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật mà tác giả là người đứng đầu cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của

Quy chế này;

- Báo cáo theo định kỳ hàng năm cho Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình công nhận, phổ biến và áp dụng sáng kiến của tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục VI - Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và công nghệ.

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về hoạt động sáng kiến theo quy định, định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

2. Các tổ chức, cá nhân, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện Quy chế này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



Đào Công Thiên